

H = 1; He = 4; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137.

Các thể tích khí đều đo ở điều kiện tiêu chuẩn, giả thiết các khí sinh ra không tan trong nước.

Câu 41. Kim loại nào sau đây nặng nhất?

- A. Fe. B. Os. C. Ag. D. Cu.

Câu 42. Cho Cu phản ứng với dung dịch HNO_3 đặc, nóng thu được khí X có màu nâu đỏ. Khí X là

- A. N_2 B. NO. C. NO_2 . D. N_2O .

Câu 43. Trong các ion sau: Cu^{2+} , Fe^{3+} , K^+ , Al^{3+} thì ion kim loại nào có tính oxi hóa mạnh nhất?

- A. Cu^{2+} . B. Fe^{3+} . C. K^+ . D. Al^{3+} .

Câu 44. Ở nhiệt độ cao, khí H_2 khử được oxit nào sau đây?

- A. CuO. B. MgO. C. Al_2O_3 . D. CaO.

Câu 45. Trong công nghiệp, các kim loại kiềm được điều chế bằng phương pháp

- A. điện phân dung dịch. B. điện phân nóng chảy.
C. thủy luyện. D. nhiệt luyện.

Câu 46. Sục khí nào sau đây vào dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư, thu được kết tủa màu trắng?

- A. H_2 . B. HCl. C. O_2 . D. CO_2 .

Câu 47. Trộn bột Al với bột oxit X (gọi là hỗn hợp tecmit) để thực hiện phản ứng nhiệt nhôm dùng để hàn đường ray tàu hỏa. X là

- A. Fe_2O_3 . B. CuO. C. Cr_2O_3 . D. ZnO.

Câu 48. Kim loại nào sau đây là kim loại kiềm thổ?

- A. K B. Be. C. Cu. D. Na

Câu 49. Cho từ từ đến dư dung dịch X vào dung dịch AlCl_3 thu được kết tủa keo trắng. Chất X là

- A. NaOH. B. KOH. C. HCl. D. NH_3 .

Câu 50. Sắt có số oxi hóa +2 trong hợp chất nào dưới đây?

- A. Fe_2O_3 . B. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$. C. FeSO_3 . D. $\text{Fe}(\text{OH})_3$.

Câu 51. Công thức của crom(III) hiđroxit là

- A. CrO_3 . B. Cr_2O_3 . C. $\text{Cr}(\text{OH})_3$. D. $\text{Cr}(\text{OH})_2$.

Câu 52. Chất X là khí không màu, có mùi khai xốc và được sinh ra trong quá trình phân hủy các sinh vật chết. Khí X là

- A. CO. B. H_2 . C. NH_3 . D. N_2 .

Câu 53. Thủy phân metyl propionat tạo ra ancol có công thức là

- A. CH_3OH . B. $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. D. $\text{C}_3\text{H}_5\text{OH}$.

Câu 54. Thủy phân hoàn toàn một lượng tristearin trong dung dịch NaOH vừa đủ, thu được 1 mol glixerol và

- A. 1 mol natri stearat. B. 3 mol axit stearic. C. 3 mol natri stearat. D. 1 mol axit stearic.

Câu 55. Nhỏ vài giọt dung dịch lợt vào hồ tinh bột thấy xuất hiện màu

- A. vàng. B. nâu đỏ. C. xanh tím. D. hồng.

Câu 56. Dung dịch chất nào sau đây làm quỳ tím chuyển sang màu hồng?

- A. Metanol B. Etylamin. C. Axit glutamic. D. Lysin.

Câu 57. Công thức hóa học của metylamin là

- A. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$.
C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{NH}_2$.

- B. CH_3NH_2 .
D. $\text{H}_2\text{NCH}(\text{CH}_3)\text{COOH}$.

Câu 58. Polime X là chất rắn trong suốt, có khả năng cho ánh sáng truyền qua tốt nên được dùng chế tạo thủy tinh hữu cơ plexiglas. X là

- A. Poli(acrilonitrin).
C. Poli (vinyl clorua).

- B. Poli(metyl metacrylat).
D. Polietilen.

Câu 59. Hóa chất nào sau đây có thể làm mềm cả nước cứng tạm thời lẫn vĩnh cửu?

- A. NaOH . B. $\text{Ca}(\text{OH})_2$ C. $\text{Ba}(\text{OH})_2$ D. Na_2CO_3

Câu 60. Chất nào sau đây chỉ chứa liên kết đơn trong phân tử?

- A. C_2H_6 . B. C_2H_4 . C. CH_4 . D. C_6H_6 .

Câu 61. Hỗn hợp FeO và Fe_3O_4 tác dụng với một lượng dư dung dịch nào sau đây chỉ thu được muối $\text{Fe}(\text{III})$?

- A. HNO_3 đặc, nóng. B. HCl . C. H_2SO_4 loãng. D. NaHSO_4 .

Câu 62. Cho các hidrocarbon sau: etilen, propan, buta-1,3-đien và isopren. Có bao nhiêu hidrocarbon tham gia phản ứng trùng hợp tạo thành polime?

- A. 4. B. 3. C. 2. D. 1.

Câu 63. Cho một mẫu hợp kim Na-Ba tác dụng với nước dư, thu được dung dịch X và 3,36 lít H_2 (đktc). Thể tích dung dịch axit H_2SO_4 2M cần dùng để trung hoà dung dịch X là

- A. 60 ml. B. 150 ml C. 30 ml. D. 75 ml.

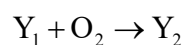
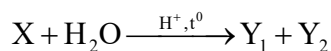
Câu 64. Phát biểu nào sau đây là sai?

- A. Tính khử của Al mạnh hơn tính khử của Cu.
B. Trong hợp chất, nhôm có số oxi hóa là +3.
C. Đốt Fe trong khí oxi dư thu được Fe_3O_4 .
D. Cho Zn vào dung dịch H_2SO_4 loãng thì Zn bị ăn mòn điện hóa học.

Câu 65. Cho m gam hỗn hợp X gồm Cu, Fe vào dung dịch H_2SO_4 loãng dư, kết thúc phản ứng thu được 2,24 lít H_2 ở đktc. Khối lượng Fe trong m gam hỗn hợp X là

- A. 16,8 gam. B. 5,6 gam. C. 11,2 gam. D. 2,8 gam.

Câu 66. Este X ($\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$) thỏa mãn các điều kiện sau:



Tên gọi của X là

- A. isopropyl fomat. B. etyl axetat. C. propyl fomat D. metyl propionat.

Câu 67. Ở điều kiện thường, X là chất kết tinh, không màu, có vị ngọt và là thành phần chủ yếu của đường mía. Thủy phân chất X nhờ xúc tác của axit, thu được hai chất hữu cơ Y và Z. Biết rằng chất Z không làm mất màu dung dịch Br_2 . Chất X và Y lần lượt là

- A. tinh bột và glucozơ. B. saccarozơ và fructozơ.
C. xenlulozơ và fructozơ. D. saccarozơ và glucozơ.

Câu 68. Cho 90 gam glucozơ lên men rượu với hiệu suất 80%, thu được V lít khí CO_2 . Giá trị của V là

- A. 17,92 B. 8,96. C. 22,40. D. 11,20.

Câu 69. Cho m gam Gly-Ala tác dụng hết với một lượng dư dung dịch HCl , đun nóng. Số mol HCl đã tham gia phản ứng là 0,2 mol. Giá trị m là

- A. 14,6 B. 29,2. C. 26,4 D. 32,8.

Câu 70. Cho 1 mảnh Na nhỏ bằng hạt đậu vào ống nghiệm đựng 2 - 3 ml chất lỏng X. Quan sát thấy có sủi bọt khí và khí đó gây nổ khi đưa đến gần ngọn lửa đèn cồn. Chất X là

- A. ancol etylic. B. anđehit axetic. C. etyl axetat. D. benzen.

Câu 71. Đốt cháy hoàn toàn 0,33 mol hỗn hợp X gồm methyl propionat, methyl axetat và 2 hidrocarbon mạch hở cần dùng vừa đủ 1,27 mol O_2 , tạo ra 14,4 gam H_2O . Nếu cho 0,33 mol X vào dung dịch Br_2 dư thì số mol Br_2 phản ứng tối đa là

- A. 0,26. B. 0,30. C. 0,33 D. 0,40.

Câu 72. Tiến hành các thí nghiệm sau:

- (a) Điện phân NaCl nóng chảy.
(b) Cho dung dịch $Fe(NO_3)_2$ vào dung dịch $AgNO_3$ dư.
(c) Nhiệt phân hoàn toàn $CaCO_3$.
(d) Cho kim loại K vào dung dịch $CuSO_4$ dư.
(e) Dẫn khí H_2 dư đi qua bột CuO nung nóng.

Sau khi các phản ứng kết thúc, số thí nghiệm thu được kim loại là

- A. 1. B. 4. C. 3. D. 2.

Câu 73. Cho hỗn hợp X gồm Na và Ba (có cùng số mol) vào H_2O thu được dung dịch Y và 0,336 lít khí (đktc). Cho Y vào 125 ml dung dịch gồm H_2SO_4 0,1M và $CuSO_4$ 0,1M. Khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được m gam kết tủa Z. Giá trị của m là

- A. 0,490. B. 0,245. C. 2,575. D. 2,820.

Câu 74. Cho các phát biểu sau:

- (a) Tơ nylon-6,6 được điều chế từ hexametylenđiamin và axit axetic.
(b) Giống như xenlulozơ, amilopectin có cấu tạo mạch không phân nhánh.
(c) Trong y tế, etanol được dùng để sát trùng vết thương.
(d) Ở điều kiện thường, etylamin là chất khí có mùi xốc.
(e) Isoamyl axetat có mùi chuối chín, dễ tan trong nước nên được dùng làm chất tạo mùi thơm trong công nghiệp thực phẩm.

Số phát biểu đúng là

- A. 5. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 75. Cho 34,46 gam hỗn hợp các triglixerit X tác dụng hoàn toàn với 0,1 mol H_2 thu được a mol hỗn hợp Y. Đốt cháy hoàn toàn a mol Y thu được CO_2 và 2,09 mol H_2O . Mặt khác, cho a mol Y tác dụng với dung dịch KOH (vừa đủ), thu được dung dịch chứa m gam muối. Biết a mol Y tác dụng được tối đa với 0,05 mol Br_2 trong dung dịch. Giá trị của m là

- A. 37,50. B. 37,70 C. 35,78 D. 35,58.

Câu 76. Hỗn hợp X gồm glyxin, alanin, valin, metylamin và etylamin. Đốt cháy hoàn toàn 0,16 mol hỗn hợp X cần dùng vừa đủ 0,57 mol O_2 . Sản phẩm cháy gồm CO_2 , H_2O và N_2 (trong đó số mol CO_2 là 0,37 mol). Cho lượng X trên vào dung dịch KOH dư, lượng KOH tham gia phản ứng là a mol. Giá trị của a là

- A. 0,08. B. 0,09. C. 0,07. D. 0,06.

Câu 77. Hấp thụ hết 5,6 lít khí CO_2 (đktc) vào dung dịch chứa a mol KOH và b mol K_2CO_3 , thu được 250 ml dung dịch X. Cho từ từ đến hết 125 ml dung dịch X vào 375 ml dung dịch HCl 0,5M, thu được 3,36 lít khí (đktc). Mặt khác, cho 125 ml dung dịch X tác dụng với dung dịch $Ba(OH)_2$ dư, thu được 49,25 gam kết tủa. Giá trị của a là

- A. 0,125. B. 0,175. C. 0,375 D. 0,300.

Câu 78. Trộn 8,1 gam Al với 35,2 gam hỗn hợp rắn X gồm Fe, FeO, Fe_3O_4 , Fe_2O_3 và $Fe(NO_3)_2$ thu được hỗn hợp Y. Hòa tan hoàn toàn Y vào dung dịch chứa 1,9 mol HCl và 0,15 mol HNO_3 , khuấy đều cho các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch Z (không chứa muối amoni) và 0,275 mol hỗn hợp khí T gồm NO và N_2O . Cho dung dịch $AgNO_3$ đến dư vào dung dịch Z. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dung dịch M, 0,025 mol khí NO (sản phẩm khử duy nhất của N^{+5}) và 280,75 gam kết tủa. Phần trăm khối lượng của $Fe(NO_3)_2$ trong dung dịch Y là

- A. 76,70%. B. 41,57% C. 51,14%. D. 62,35%.

Câu 79. Đốt cháy hoàn toàn m gam hỗn hợp A gồm 3 este X, Y, Z (đều mạch hở và chỉ chứa chức este, Z chiếm phần trăm khối lượng lớn nhất trong P thu được số mol CO_2 lớn hơn số mol H_2O là 0,25. Mặt khác, m gam P phản ứng vừa đủ với dung dịch NaOH thu được 22,2 gam hai ancol (hơn kém nhau một nguyên tử cacbon) và hỗn hợp Y gồm hai muối. Đốt cháy hoàn toàn T cần vừa đủ 0,275 mol O_2 thu được CO_2 , 0,35 mol Na_2CO_3 và 0,2 mol H_2O . Phần trăm khối lượng của Z trong A là

- A. 45,20 B. 50,40%. C. 62,10%. D. 42,65.

Câu 80. Tiến hành thí nghiệm phản ứng tráng gương của glucozơ theo các bước sau đây:

Bước 1: Rửa sạch ống nghiệm thủy tinh bằng cách cho vào một ít kiềm, đun nóng nhẹ, tráng đều, sau đó đổ đi và tráng lại ống nghiệm bằng nước cất.

Bước 2: Nhỏ vào ống nghiệm 1 ml dung dịch AgNO_3 1%, sau đó thêm từng giọt NH_3 , trong ống nghiệm xuất hiện kết tủa nâu xám, nhỏ tiếp vài giọt dung dịch NH_3 đến khi kết tủa tan hết.

Bước 3: Thêm tiếp 1 ml dung dịch glucozơ 1%, đun nóng nhẹ trên ngọn lửa đèn cồn một thời gian.

Cho các nhận định sau đây:

- (a) Ở bước 1, dung dịch kiềm được sử dụng với mục đích tẩy sạch vết bẩn trên bề mặt ống nghiệm.
 (b) Sau bước 2, thu được dung dịch trong suốt.
 (c) Sau bước 3, có một lớp bạc sáng bám trên thành ống nghiệm.
 (d) Thí nghiệm trên chứng minh trong phân tử glucozơ có chứa nhóm chức andehit.
 (e) Có thể thay glucozơ bằng andehit fomic thì hiện tượng vẫn xảy ra tương tự.

Số lượng phát biểu đúng là

- A. 5. B. 4. C. 3. D. 2.

-----HẾT-----

ĐÁP ÁN

41-B	42-C	43-B	44-A	45-B	46-D	47-A	48-B	49-D	50-C
51-C	52-C	53-A	54-C	55-C	56-C	57-B	58-B	59-D	60-A
61-A	62-B	63-D	64-D	65-B	66-B	67-D	68-A	69-A	70-A
71-D	72-C	73-C	74-B	75-B	76-C	77-A	78-B	79-D	80-A

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 71. Chọn D.

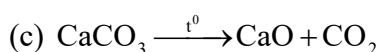
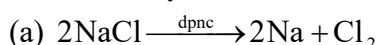
Hỗn hợp X gồm $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_2$: a mol; C_xH_y : b mol

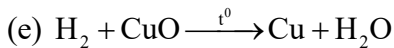
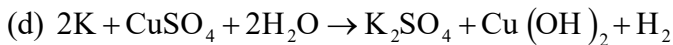
$$\begin{cases} \xrightarrow{\text{BT:O}} 2a + 2n_{\text{O}_2} = 2n_{\text{CO}_2} + n_{\text{H}_2\text{O}} \\ n_{\text{CO}_2} - n_{\text{H}_2\text{O}} = (k-1)b \end{cases} \rightarrow \begin{cases} a = n_{\text{CO}_2} - 0,87 \\ n_{\text{CO}_2} = kb - b + 0,8 \end{cases} \Rightarrow a = kb - b - 0,07 \quad (1)$$

Kết hợp (1) với $a + b = 0,33$ ta suy ra: $kb = 0,4$ mol

Khi cho 0,33 mol X tác dụng với Br_2 thì: $n_{\text{Br}_2} = kn_{\text{C}_x\text{H}_y} = kb = 0,4$ mol.

Câu 72. Chọn C.





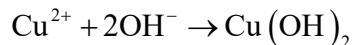
Thí nghiệm thu được kim loại là a, b, c.

Câu 73. Chọn C.

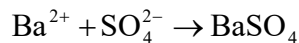
$$n_{OH^-} = 2n_{H_2} = 0,03 = n_{Na} + 2n_{Ba} \text{ vì } n_{Na} = n_{Ba} \Rightarrow Na : 0,01 \text{ mol và } Ba : 0,01 \text{ mol}$$



$$0,025 \quad 0,025 \quad (\text{lượng } OH^- \text{ còn lại: } 0,005)$$



$$0,0125 \quad 0,005 \quad 0,0025 \quad (Cu^{2+} \text{ dư})$$



$$0,01 \quad 0,025 \quad 0,01 \quad (SO_4^{2-} \text{ dư})$$

$$\text{Vậy } m \downarrow = m_{Ca(OH)_2} + m_{BaSO_4} = 2,575g.$$

Câu 74. Chọn B.

(a) Sai. Tơ nylon-6,6 được điều chế từ hexametylenđiamin và axit adipic.

(b) Sai, Amilopectin có cấu tạo mạch phân nhánh.

(c) Sai. Isoamyl axetat ít tan trong nước.

Câu 75. Chọn B.

$$\text{Làm no X bằng } H_2, Br_2 \Rightarrow n_{CO_2} - n_{H_2O(X)} = n_{H_2} + 2n_X \Rightarrow n_{CO_2} - n_{H_2O(X)} = 0,15 + 2n_X \quad (1)$$

$$\text{Khi cho Y tác dụng với } H_2 \Rightarrow n_{CO_2} - n_{H_2O(Y)} = n_{Br_2} + 2n_X \Rightarrow n_{CO_2} - 2,09 = 0,05 + 2n_X \quad (2)$$

$$\text{Lấy (1) - (2): } n_{H_2O(X)} = 1,99 \text{ mol}$$

$$\text{Ta có: } m = m_C + m_H + m_O = 12 \cdot (2,14 + 2n_X) + 1,99 \cdot 2 + 16 \cdot 6n_X = 34,46 \Rightarrow n_X = 0,04 \text{ mol}$$

$$\text{Nếu cho Y (} m_Y = 34,46 + 0,1 \cdot 2 = 34,66g) \text{ tác dụng với KOH: } n_{KOH} = 0,12 \text{ mol và } n_{glixerol} = 0,04 \text{ mol}$$

$$\Rightarrow m = 34,66 + 0,12 \cdot 56 - 0,04 \cdot 92 = 37,7g.$$

Câu 76. Chọn C.

$$\text{Quy đổi hỗn hợp thành } \begin{cases} CH_2 \\ CO_2 \\ NH_3 \end{cases} \text{ với } n_{NH_3} = 0,16 \text{ mol}$$

$$\Rightarrow \begin{cases} 1,5n_{CH_2} + 0,75n_{NH_3} = n_{O_2} \Rightarrow n_{CH_2} = 0,3 \text{ mol} \\ n_{CH_2} + n_{CO_2} = 0,37 \Rightarrow n_{CO_2} = 0,07 \text{ mol} \end{cases} \text{ . Vậy } n_{CO_2} = n_{KOH} = 0,07 \text{ mol}$$

Câu 77. Chọn A.

$$\text{Khi cho 125 ml X vào HCl thì: } \begin{cases} n_{HCO_3^-} + 2n_{CO_3^{2-}} = n_{H^+} = 0,1875 \\ n_{HCO_3^-} + n_{CO_3^{2-}} = 0,15 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} n_{HCO_3^-} = 0,1125 \text{ mol} \\ n_{CO_3^{2-}} = 0,0375 \text{ mol} \end{cases} \Rightarrow \frac{n_{HCO_3^-}}{n_{CO_3^{2-}}} = 3$$

$$\text{Khi cho 125 ml X vào Ba(OH)}_2 \text{ dư thì: } n_{HCO_3^-} + n_{CO_3^{2-}} = n_{BaCO_3} = 0,25 \Rightarrow \begin{cases} n_{HCO_3^-} = 0,1875 \text{ mol} \\ n_{CO_3^{2-}} = 0,0625 \text{ mol} \end{cases}$$

Trong 250ml dung dịch Y chứa CO_3^{2-} (0,125 mol), HCO_3^- (0,375 mol), K^+ (a + 2b mol).

$$\xrightarrow{\text{BT:C}} 0,25 + b = 0,5 \Rightarrow b = 0,25 \xrightarrow{\text{BTDT(Y)}} a = 0,125.$$

Câu 78. Chọn B.

Dung dịch Z chứa Al^{3+} (0,3 mol), Fe^{2+} , Fe^{3+} , H^+ dư, Cl^- .

Kết tủa gồm AgCl và Ag trong đó: $n_{\text{AgCl}} = n_{\text{Cl}^-} = 1,9 \text{ mol} \Rightarrow n_{\text{Ag}} = 0,075 \text{ mol}$

$$\xrightarrow{\text{BT:e}} n_{\text{Fe}^{2+}} = 3n_{\text{NO}} + n_{\text{Ag}} = 0,15 \text{ mol} \text{ và } n_{\text{H}^+} = 4n_{\text{NO}} = 0,1 \text{ mol}$$

$$\xrightarrow{\text{BTDT(Z)}} 3n_{\text{Fe}^{3+}} + 3n_{\text{Al}^{3+}} + 2n_{\text{Fe}^{2+}} + n_{\text{H}^+} = n_{\text{Cl}^-} \Rightarrow n_{\text{Fe}^{3+}} = 0,2 \text{ mol}$$

$$\xrightarrow{\text{BT:H}} n_{\text{H}_2\text{O}} = \frac{1,9 + 0,15 - 0,1}{2} = 0,975 \text{ mol} \xrightarrow{\text{BTKL}} m_{\text{T}} = 9,3 \text{ gam}$$

$$\begin{cases} n_{\text{NO}} + n_{\text{N}_2\text{O}} = 0,275 \\ 30n_{\text{NO}} + 44n_{\text{N}_2\text{O}} = 9,3 \end{cases} \Rightarrow \begin{cases} n_{\text{NO}} = 0,2 \text{ mol} \\ n_{\text{N}_2\text{O}} = 0,075 \text{ mol} \end{cases} \xrightarrow{\text{BT:N}} n_{\text{Fe}(\text{NO}_3)_2} = 0,1 \text{ mol} \Rightarrow \%m_{\text{Fe}(\text{NO}_3)_2} = 41,57\%$$

Câu 79. Chọn D.

Khi đốt cháy T, có: $\xrightarrow{\text{BT:Na}} n_{\text{-COONa}} = 0,7 \text{ mol} \xrightarrow{\text{BT:O}} n_{\text{CO}_2} = 0,35 \text{ mol} \xrightarrow{\text{BTKL}} m_{\text{T}} = 47,3 \text{ (g)}$

Nhận thấy: $n_{\text{-COONa}} = n_{\text{CO}_2} + n_{\text{Na}_2\text{CO}_3} \Rightarrow$ muối thu được có số C = số nhóm chức

mà $m_{\text{T}} = m_{\text{-COONa}} + m_{\text{H}} \Rightarrow n_{\text{H}} = 0,4 (0,5n_{\text{H}_2\text{O}}) \Rightarrow 2$ muối đó là HCOONa (0,4) và $(\text{COONa})_2$ (0,15)

Khi thủy phân A thì: $n_{\text{NaOH}} = n_{\text{OH}} = 0,7 \text{ mol} \xrightarrow{\text{BTKL}} m_{\text{A}} = 41,5 \text{ (g)}$

Ta có: $31,7 < M_{\text{ancol}} < 63,48 \Rightarrow$ Hai ancol thu được gồm CH_3OH (0,5) và $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$ (0,1)

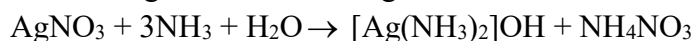
Các este thu được gồm HCOOCH_3 (0,2); $(\text{HCOO})_2\text{C}_2\text{H}_4$ (0,1), $(\text{COOCH}_3)_2$ (0,15)

Vậy $\%m_{\text{Z}} = 42,65\%$ (tính theo $(\text{COOCH}_3)_2$ là lớn nhất).

Câu 80. Chọn D.

Dung dịch kiềm được sử dụng với mục đích tẩy sạch vết bẩn trên bề mặt ống nghiệm.

Dung dịch NH_3 tác dụng với dung dịch AgNO_3 tạo thành kết tủa nên dung dịch vẫn đục sau đó tiếp tục cho NH_3 tới dư vào thì kết tủa tan tạo phức nên dung dịch trở nên trong suốt.



Dung dịch AgNO_3 trong NH_3 đã oxi hoá glucozơ thành axit gluconic và giải phóng kim loại bạc.



\Rightarrow Tất cả các ý đều đúng.

----- HẾT -----